

Ưu điểm

Từ công ty (company) nguyên gốc dùng để chỉ một tổ chức do nhiều người cùng góp vốn. Do vậy, trước đây, khi đăng ký thành lập công ty, luật pháp các nước đều yêu cầu phải có tối thiểu hai thành viên. Nếu chỉ một người đăng ký kinh doanh thì phải lập doanh nghiệp cá thể (sole proprietorship) với trách nhiệm vô hạn. Ưu điểm của loại hình công ty TNHH là chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp, vốn góp được tách khỏi tài sản riêng; nhưng lại phải chia sẻ quyền quản lý, điều hành. Trong khi đó, ưu điểm của doanh nghiệp một chủ là người chủ không bị chia sẻ quyền điều hành, nhưng phải chịu trách nhiệm vô hạn, tài sản của doanh nghiệp không tách khỏi tài sản riêng nên có thể bị rủi ro đối với tài sản cá nhân. Từ đó, để kết hợp được những ưu điểm của hai loại hình doanh nghiệp nêu trên, người ta thường đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên hoặc nhiều hơn, nhưng trong đó có một hoặc vài thành viên là người tạo. Từ thực tế đó, nhiều nước đã phải thừa nhận loại hình công ty TNHH chỉ có một thành viên duy nhất; như Pháp công nhận năm 1985, Cộng đồng châu Âu - năm 1989, Anh - năm 1992.... Nhiều nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây như Ba lan, Nga, Ucraina... khi chuyển đổi sang kinh tế thị trường, cũng đã áp dụng phổ biến loại hình công ty này.

Theo luật pháp của một số nước, loại hình công ty TNHH một thành viên có nhiều ưu điểm so với doanh nghiệp cá thể. *Thứ nhất*, nếu hội viên duy nhất của công ty là thể nhân thì có thể lựa chọn chế độ thuế thu nhập (cá nhân) như loại hình doanh nghiệp cá thể hoặc thuế công ty. *Thứ hai*, việc tài sản của công ty tách khỏi tài sản của cá nhân, nên chủ công ty được thực hiện một số quan hệ với công ty nhưng doanh nghiệp cá thể lại bị cấm như người chủ sử dụng tài khoản vãng lai của mình cho công ty vay vốn để hưởng lãi suất hoặc cho công ty thuê tài sản để phục vụ sản xuất kinh doanh và tiền thuê là chi phí hợp lệ công ty. *Thứ ba*, chuyển nhượng công ty TNHH một thành viên thuận lợi hơn và chi phí thấp hơn chuyển nhượng một doanh nghiệp cá thể, vì chuyển nhượng công ty thì không phải chuyển quyền sở hữu về tài sản.

Ngoài những ưu điểm như trên, việc áp dụng mô hình công ty TNHH một thành viên duy nhất sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn loại hình doanh nghiệp một chủ với trách nhiệm vô hạn, nếu xét ở góc độ cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp.

Trách nhiệm của chủ sở hữu

Lý luận và thực tiễn đã cho thấy, giữa mức độ trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp với cơ chế quản lý và

ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thạc sĩ VÕ TẤN PHONG

cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng. Đối với công ty trách nhiệm vô hạn, chủ sở hữu vừa là chủ phần vốn điều lệ, vừa có trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ phải trả; tức chủ sở hữu là chủ của toàn bộ phần tài sản nợ. Từ đó, để tránh rủi ro, chủ sở hữu doanh nghiệp phải quản lý tất cả hoạt động của công ty, quản lý tất cả phần tài sản có được hình thành từ tài sản nợ bằng một cơ chế chặt chẽ, nhất là trường hợp chủ doanh nghiệp thuê người thay mặt mình điều hành doanh nghiệp (như đối với DNNN chẳng hạn). Ngoài ra, theo luật pháp của các nước khi chưa tồn tại loại hình công ty TNHH một thành viên thì một doanh nghiệp cá thể không được đăng ký thành lập một doanh nghiệp con với sở hữu 100% vốn điều lệ, độc lập với doanh nghiệp mẹ về mặt pháp lý, mà chỉ được phép thành lập chi nhánh, trực thuộc doanh nghiệp mẹ. Do vậy, nếu một bộ phận kinh doanh chiến lược của doanh nghiệp phát triển đến độ cần tự chủ, độc lập về mặt tài chính và pháp lý thì chủ doanh nghiệp phải đăng ký thành lập doanh nghiệp cá thể mới (nếu luật pháp cho phép một chủ có nhiều doanh nghiệp), hoặc mượn danh người khác thay mình thành lập (chủ doanh nghiệp người tạo), và hai doanh nghiệp này không còn quan hệ với nhau về mặt cơ cấu tổ chức; tức, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp không phát triển được theo chiều sâu như dạng công ty mẹ, công ty con, công ty cháu...

Thực tiễn ở Việt Nam trong thời gian qua, nhất là trong thời kỳ tập trung bao cấp cho thấy, do chưa xác định DNNN là công ty trách nhiệm hữu hạn, Nhà nước (như chủ doanh nghiệp cá thể - sole proprietorship với trách nhiệm vô hạn) đã thực hiện một cơ chế quản lý chặt chẽ, nhất là về vốn và tài sản của DNNN. Đã có thời, về mặt pháp lý, Nhà nước không thừa nhận quyền tài sản của doanh nghiệp. Tất cả tài sản của doanh nghiệp hình thành từ mọi nguồn vốn, kể cả vốn DNNN hay vốn vay đều được quản lý theo cơ chế "cứng", muốn sử dụng phải lập kế hoạch và phải xin xét duyệt, nhất là việc đầu tư, mua bán và thanh lý tài sản cố định, các vật tư tồn đọng

không sử dụng.... Khi ban hành Luật doanh nghiệp nhà nước, tuy Nhà nước đã xác định DNNN "... tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động, kinh doanh trong phạm vi sở vốn do doanh nghiệp quản lý" đồng thời với việc thúc đẩy áp dụng Luật phá sản đối với hệ thống DNNN, nhưng vấn đề trách nhiệm hữu hạn đối với DNNN cũng chưa thật sự khẳng định dứt khoát. Do vậy, xét một cách toàn diện, tuy đã có nhiều đổi mới và hoàn thiện, nhưng những cơ chế quản lý hiện hành vẫn chưa thực sự trao đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho DNNN để có thể hoạt động như những chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

Bất cập trong mô hình tổng công ty

Về cơ cấu tổ chức hiện nay, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, tuy cũng đã có những bước hoàn thiện so với thời kỳ tập trung bao cấp, nhưng mô hình cơ cấu tổ chức của tổng công ty hoặc công ty độc lập trực thuộc các bộ, UBND tỉnh thành phố trực thuộc trung ương... hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Nhược điểm lớn nhất là cơ cấu tổ chức DNNN không phát triển được theo chiều sâu, chỉ có thể phát triển theo chiều rộng. Theo mô hình tổng công ty hiện nay, về mặt cơ cấu tổ chức quản lý, chỉ cho phép tồn tại 3 cấp pháp nhân là tổng công ty, công ty và xí nghiệp hoặc chi nhánh, trong đó chỉ có 2 cấp hạch toán độc lập là tổng công ty và công ty. Với mô hình như thế thì đối với một doanh nghiệp thành viên của tổng công ty, trong quá trình phát triển của mình, nếu có một bộ phận trực thuộc đã phát triển đến một mức độ chín muồi cần chuyển thành một đơn vị kinh doanh chiến lược với cơ chế hoàn toàn tự chủ, độc lập với công ty mẹ thì sẽ gặp trở ngại về mặt cơ cấu tổ chức quản lý cũng như hình thức pháp lý để tồn tại; đơn vị kinh doanh chiến lược này không thể tồn tại độc lập về mặt pháp lý và tài chính. Nếu có nhu cầu chiến lược trở thành một pháp nhân (công ty) hạch toán độc lập thì đơn vị này phải tách ra khỏi công ty để trực thuộc tổng công ty, tức cơ cấu tổ chức mở rộng theo chiều ngang và công ty mới này sẽ ngang cấp với công ty mà từ đó đơn vị này tách ra. Và như thế, giữa

hai công ty này sẽ không còn gắn kết một cách trực tiếp với nhau về mặt chiến lược nữa, mà tất cả phải thông qua tổng công ty. Đối với công ty hạch toán độc lập trực thuộc các bộ, UBND địa phương... gặp trường hợp tương tự; dưới công ty chỉ có thể là chi nhánh hoặc xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Do hạch toán phụ thuộc, khi qui mô hoạt động của chi nhánh hoặc xí nghiệp đạt đến một mức độ nào đó thì cơ chế quản lý và cơ cấu tổ chức sẽ kìm hãm sự phát triển; bởi lẽ, các yêu cầu phải được tự chủ trong việc vay vốn ngân hàng, quyết định sản xuất kinh doanh, tự chủ ký kết hợp đồng kinh tế, thương mại... không thể đáp ứng được do luật pháp hiện hành ràng buộc trách nhiệm của công ty mẹ đối với việc phân cấp và ủy quyền. Nếu có yêu cầu tự chủ hoàn toàn, hạch toán độc lập thì các chi nhánh và xí nghiệp phải được nâng lên thành công ty trực thuộc cơ quan quản lý công ty mà từ đó nó được tách ra, tách rời hẳn khỏi công ty mẹ. Điều này làm cản trở những chiến lược phát triển doanh nghiệp theo hướng hội nhập dọc về cả thượng nguồn lẫn hạ nguồn, làm hạn chế tầm hoạt động và qui mô hoạt động của doanh nghiệp.

Mô hình mới trong Luật doanh nghiệp

Luật doanh nghiệp của Việt Nam ban hành năm 1999 cũng áp dụng mô hình công ty TNHH một thành viên. Khác biệt cơ bản giữa luật doanh nghiệp Việt nam và của các nước là ở Việt Nam cổ đông duy nhất phải là một tổ chức, không được là thể nhân. Và như vậy, một số ưu điểm đối với người thành viên duy nhất là thể nhân như đã nêu trên không có ở Luật doanh nghiệp của Việt Nam. Tuy vậy, việc cho áp dụng mô hình công ty TNHH một thành viên duy nhất là pháp nhân trong điều kiện hiện nay là bước tiến so với Luật công ty trước đây. Hơn nữa, việc áp dụng mô hình công ty này đối với DNNN theo Nghị định số 63/2001/NĐ ngày 14 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ sẽ góp phần đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý DNNN một cách căn bản. Về nguyên tắc, theo mô hình này, một công ty có thể thành lập công ty con độc lập về mặt pháp lý, tài chính và tự quyết định về các hoạt động của mình. Công ty con này có thể có công ty con khác, và cơ cấu tổ chức có thể phát triển theo chiều sâu với cách thức như vậy. Như thế, một công ty không bị hạn chế trong việc phát triển theo hướng cả hội nhập dọc, ngang và có thể phát triển thành một doanh nghiệp lớn đa dạng hóa theo kiểu conglomerate. Chính vì vậy, trong cơ cấu tổ chức của các tập đoàn kinh tế ở các nước, loại hình công ty này được sử dụng rất phổ biến khi công ty mẹ muốn nắm giữ 100% vốn điều lệ của các công

ty con. Ngoài ra, với loại hình công ty này thì việc mở rộng các thành viên góp vốn có thể thực hiện được một cách dễ dàng. Vì thế, nó tạo một sự mềm dẻo trong việc liên kết chiến lược vững chắc với các công ty khác thông qua việc nắm giữ vốn góp chéo lẫn nhau. Mặt khác, việc áp dụng mô hình công ty này trong cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp, cho phép công ty mẹ có thể bố trí và bố trí lại cơ cấu vốn đầu tư vào các công ty con theo yêu cầu chiến lược không chế các công ty con bằng cách bán đi hoặc mua lại một phần vốn điều lệ của các công ty này. Do vậy, việc chuyển DNNN theo Luật doanh nghiệp nhà nước sang loại hình công ty TNHH một thành viên, hoạt động theo Luật doanh nghiệp là tạo những tiền đề quan trọng về mặt cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý để chuyển các tổng công ty sang mô hình tập đoàn kinh tế và cho phép các công ty hạch toán độc lập chuyển các đơn vị chiến lược của mình là những thành viên hạch toán phụ thuộc của mình trở thành những công ty hạch toán độc lập, tự chủ toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu có yêu cầu. Ngoài ra, việc áp dụng mô hình này cho phép thực hiện được chủ trương xóa bỏ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN.

Ngoài ra, khi chuyển các DNNN sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, có nghĩa là về mặt pháp lý Nhà nước thực sự không còn chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ của công ty mà Nhà nước là chủ; tức Nhà nước đã không còn là chủ của toàn bộ tài sản có của doanh nghiệp, mà về pháp lý quyền này phải được chuyển cho công ty. Điều này có nghĩa là khi chuyển sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, khách quan sẽ dẫn đến việc Nhà nước phải thay đổi một cách căn bản cơ chế quản lý đối với DNNN hoạt động theo mô hình này theo hướng mở rộng hơn nữa quyền tự chủ đồng thời với việc thay đổi phương thức quản lý đối với vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp.

Vấn đề phát sinh và giải pháp

Tuy vậy, việc cho áp dụng mô hình này sẽ phát sinh ra một số vấn đề cần phải được xem xét. Mặc dù hoạt động theo Luật doanh nghiệp, không phải theo Luật doanh nghiệp nhà nước, nhưng xét về bản chất các công ty này vẫn là doanh nghiệp nhà nước. Khi áp dụng mô hình này, việc nhiều doanh nghiệp chuyển một số bộ phận hạch toán phụ thuộc của mình trở thành công ty để mở rộng tự chủ sẽ là một nhu cầu thực tế và phù hợp với qui luật phát triển của tổ chức. Kết quả là có thể sẽ có nhiều DNNN được tồn tại dưới hình thức mới ra đời; trong khi đó Nhà nước đang có chương trình thu hẹp số lượng DNNN. Ngoài ra, trong điều kiện đang tồn tại hai khung pháp luật điều chỉnh

đối với doanh nghiệp nhà nước, các công ty TNHH một thành viên do DNNN chuyển sang với khung pháp lý quản lý thông thoáng hơn, nếu chúng là các công ty con của các doanh nghiệp đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước thì cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi các cơ chế quản lý chặt chẽ hơn về tài chính, về đầu tư, về cơ chế lương và phân phối lợi nhuận... Nếu những vướng mắc này không được tháo gỡ thì việc chuyển DNNN sang mô hình mới không đạt được các yêu cầu cơ bản là đổi mới cơ chế quản lý.

Để thực hiện tốt chủ trương chuyển các DNNN sang hoạt động theo loại hình công ty TNHH một thành viên theo Luật doanh nghiệp, Nhà nước cần xem xét một số vấn đề sau: *Thứ nhất*, cần sớm ban hành những qui chế quản lý cụ thể trên các lĩnh vực như tài chính, đầu tư và xây dựng cơ bản, lao động và tiền lương... theo hướng tăng quyền tự chủ doanh nghiệp cho phù hợp với loại hình công ty này. Đồng thời, cần ban hành các qui định về kiểm tra, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp để đảm bảo việc thực thi đúng và có hiệu quả quyền tự chủ của doanh nghiệp. *Thứ hai*, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong điều kiện tự chủ đầy đủ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng quản lý của bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp. Do vậy, Nhà nước cần đổi mới chính sách cán bộ trong việc lựa chọn, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm, cũng như chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu mới. *Thứ ba*, thừa nhận quyền về tài sản đối với doanh nghiệp là một yêu cầu khách quan. Do đó, Nhà nước cần có chính sách thông thoáng hơn trong thủ tục chứng nhận quyền sở hữu đối với những tài sản hiện hữu của doanh nghiệp, nhất là về đất đai, nhà xưởng... *Thứ tư*, xét cho cùng thì lợi ích là yếu tố quyết định; lợi ích được thể hiện qua nhiều mặt, nhưng lợi ích kinh tế vẫn là yếu tố quan trọng nhất. Do vậy, Nhà nước cần có chính sách phân phối thu nhập thế nào để nó là động lực cơ bản thúc đẩy các nhà quản lý và người lao động trong các DNNN xây dựng và phát triển doanh nghiệp để trở thành chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Tuy còn một số vấn đề cần xử lý đồng bộ, nhưng xét tổng thể, việc chuyển đổi DNNN sang hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên theo Luật doanh nghiệp sẽ có nhiều thuận lợi trong việc đổi mới hệ thống DNNN. Do vậy, Nhà nước cần mở rộng diện doanh nghiệp áp dụng mô hình này, và theo chúng tôi, Nhà nước nên xem xét để sớm chuyển tất cả các DNNN hiện nay sang hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên ■